

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 33

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Cháo thịt gà, phô mai, bí ngòi, nấm
rom, hành ngò
- Uống Sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Thịt bò xào chua ngọt, thơm, hành tây, cần
tây, hành ngò
- Canh cải thìa nấu thịt heo, nấm kim châm
Xế: Thanh long ruột đỏ
Xế chiều: Mì trứng nấu tôm tươi, cà rốt, tần
ô, hành ngò

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	500	3,140	15,700
2	0494	Đường cát	300	3,880	11,640
3	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
4	N0966	Muối Iot	100	740	740
5	0004	Gạo tẻ máy	2,200	2,560	56,320
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	5,250	2,625
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,720	4,360
8	0119	Hành tím (hành củ tươi)	50	6,300	3,150
9	0185	Tỏi ta	50	7,460	3,730
10	0002	Gạo nếp (loại thường)	300	3,050	9,150
11	N0918	Phô mai Con Bò Cười	30	40,666.7	12,200
12	0648	Bí ngòi (Bí Nhật Bán)	300	6,090	18,270
13	0211	Nấm rom	100	14,180	14,180
14	N0772	Thịt ức gà	500	12,920	64,600
15	0100	Cần tây	50	5,670	2,835
16	0121	Hành tây	50	3,680	1,840
17	0226	Khóm (Dứa ta)	500	2,940	14,700
18	0286	Thịt bò loại II	1,100	37,280	41,080
19	0097	Cải thìa (cải trắng)	700	5,040	35,280
20	N0965	Nấm kim châm	100	10,610	10,610
21	N0770	Thịt nạc dăm	400	18,800	75,200
22	0256	Quả thanh long	1,500	5,150	77,250
23	N0777	Mì sợi	500	7,700	38,500
24	0089	Cà rốt	200	5,570	11,140
25	0095	Cải cúc (tần ô)	100	5,460	5,460

26	0424	Tôm sú	500	36,540	182,700
27	0457	Sữa bột toàn phần	633.86	20,500	129,941
Tổng cộng					1,221,001

Tổng tiền thực phẩm	1,221,001
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,221,001
Số dư đầu ngày	1
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	27,195,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	27,194,999

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan